Vai trò của xã hội học trong quản lý và bảo vệ môi trường ở Việt Nam

PGS, TS. LÊ THỊ THANH HÀ
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Email: thanhhahcma@gmail.com

TS. NGUYỄN THỊ LAN
Trường Đại học KHXH&NV, Đại học QG Hà Nội

Nhận ngày 15 tháng 4 năm 2023; chấp nhận đăng tháng 12 năm 2023.

Tóm tắt: *Quản lý và bảo vệ môi trường ở Việt Nam là trách nhiệm của Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân trên cơ sở kết quả nghiên cứu của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khoa học. Một trong những ngành cung cấp cơ sở lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, qua đó thu thập được những dữ liệu khách quan, khoa học cho việc hoạch định và thực thi chính sách quản lý và bảo vệ môi trường là Xã hội học. Vì vậy, bài viết luận giải vai trò của xã hội học trong quản lý và bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay.*
Từ khóa: *quản lý và bảo vệ môi trường, xã hội học môi trường.*

Abstract: *Managing and protecting the environment in Vietnam is the responsibility of the State, the political system, and the entire population, based on research results from various scientific fields. Sociology is one such discipline that provides theoretical foundations and research methods, thus collecting objective, scientific data for the planning and execution of environmental management and protection policies. Therefore, this article discusses the role of sociology in the current environmental management and protection in Vietnam.*
Keywords: *environmental management and protection, environmental sociology.*

Mở đầu

Việt Nam là một trong các quốc gia trên thế giới sớm có những cam kết và hành động cụ thể thực hiện bảo vệ môi trường (BVMT) vì mục tiêu phát triển bền vững. Theo đó, nhiều chủ trương, chính sách về quản lý, BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu đã được ban hành và xử lý kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra. Từ năm 1991, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* đã đề ra phương hướng: "Tuân thủ nghiêm ngặt việc bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái cho thế hệ hiện tại và mai sau"[1]. Ngay sau đó, Việt Nam đã sớm thông qua nhiều văn bản quản lý và BVMT như: Luật BVMT (năm 1993; 2005; 2014; 2020); Luật Đất đai (năm 2013, 2021); Luật Đa dạng sinh học (năm 2008); Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; Luật Lâm nghiệp 2017; Luật Tài nguyên nước (năm 2012); Quyết định số 64/2003/QĐ-TTG ngày 22/4/2003 về *Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng*; Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/05/2017 về *Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*; Cam kết của Thủ tướng tại Hội nghị COP26 sẽ đưa mức phát thải ròng về "0" vào năm 2050 và gần đây nhất là thực hiện *Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030* theo Quyết định 450/QĐ-TTg 2022.

Tuy nhiên, tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường vẫn diễn ra và đang ở mức báo động. BVMT nước ta chưa thực sự vì mục tiêu phát triển bền vững. Do đó, văn kiện Đại hội XIII khẳng định: "Chất lượng môi trường một số nơi tiếp tục xuống cấp; thích ứng với biến đổi khí hậu còn bị động, lúng túng. Các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học tiếp tục suy giảm"[2]. Một trong những nguyên nhân chính của môi trường vẫn xuống cấp là quản lý và BVMT chưa hiệu quả: "Khai thác tài nguyên thiếu bền vững, hiệu quả quản lý, sử dụng chưa cao". Tài nguyên thiên nhiên, vốn tự nhiên, các giá trị của cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái chưa được đánh giá, hoạch toán đầy đủ, sử dụng bền vững"[3]. Vì vậy, để có cơ sở xây dựng, hoạch định, thực thi chính sách quản lý và BVMT hiệu quả, bám sát thực tiễn phát triển đất nước, đòi hỏi phải ứng dụng các thành tựu của khoa học tự nhiên và xã hội để giải quyết. Bởi, môi trường bao gồm nhiều yếu tố cấu thành, được bố trí, sắp xếp theo những trật tự nhất định và liên hệ chặt chẽ với nhau trong một chỉnh thể thống nhất. Mỗi sự thay đổi, dù là rất nhỏ, của mỗi yếu tố cấu thành trong môi trường đều gây ra một phản ứng dây chuyền trong toàn hệ thống làm thay đổi chất và lượng của môi trường. Do đó, muốn quản lý và BVMT cần có những biện pháp mang tính hệ thống, trên cơ sở mối quan hệ biện chứng khách quan. Một trong những ngành khoa học cung cấp lý thuyết và phương pháp nghiên cứu nhằm đo lường, điều tra, khảo sát, đánh giá tác động của phát triển kinh tế - xã hội lên môi trường để có cơ sở hoạch định và thực thi hiệu quả các chính sách quản lý và BVMT là xã hội học. Điều đó được biển hiện cụ thể:

1. Xã hội học cung cấp lý thuyết quản lý và bảo vệ môi trường

Vấn đề quản lý và BVMT luôn được quan tâm và lý giải bởi nhiều nhà xã hội học khác nhau.

Émile Durkheim (1858 - 1917) - nhà xã hội học người Pháp nổi tiếng đã giải thích sự biến đổi xã hội từ xã hội đoàn kết cơ giới sang xã hội đoàn kết hữu cơ, qua phân tích mối liên hệ giữa mật độ dân số, cạn kiệt tài nguyên và sự cạnh tranh để sinh tồn[4]. Lý thuyết của E.Durkheim có thể vận dụng vào giải thích nguyên nhân khủng hoảng sinh thái là do: (1) Gia tăng dân số và gia tăng số lượng tương tác dẫn đến sự cạnh tranh với nguồn tài nguyên có hạn. Vì vậy, gia tăng dân số đi liền với cạn kiệt tài nguyên; (2) Phân công lao động làm xuất hiện đa dạng hóa ngành nghề. Qua đó xuất hiện nhiều ngành nghề mới như các ngành công nghiệp, khai khoáng... đây là những ngành nghề tiêu thụ nhiều tài nguyên và thải vào môi trường nhiều chất thải độc hại nên có nguy cơ cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường.

C.Mác (1818 - 1883) - nhà xã hội học nổi tiếng đã khẳng định rằng: "*Con người* trực tiếp là *thực thể tự nhiên*" [5] và "con người không chỉ là thực thể tự nhiên, nó là thực thể tự nhiên có *tính chất người*, nghĩa là thực thể tồn tại cho bản thân mình và do đó là *thực thể loài*"[6]. Điều này cho thấy, C.Mác đã có quan niệm rất sâu về mối quan hệ con người và môi trường tự nhiên. Đặc biệt là quan niệm: "Giới tự nhiên cụ thể là cái giới tự nhiên trong chừng mực bản thân nó không phải là *thân thể* của con người - là *thân thể vô cơ* của con người. Con người *sống* bằng giới tự nhiên. Như thế nghĩa là giới tự nhiên là *thân thể* của con người, thân thể mà với nó con người phải ở lại trong quá trình thường xuyên giao tiếp để tồn tại. Nói rằng đời sống thể xác và tinh thần của con người gắn liền với giới tự nhiên, nói như thế chẳng qua chỉ có nghĩa là giới tự nhiên gắn liền với bản thân tự nhiên, vì con người là một bộ phận của tự nhiên"[7]. Quan điểm này của C.Mác về mối quan hệ con người và môi trường là vô cùng độc đáo, vì trong lịch sử của con người, ngoài C.Mác, chưa có ai coi giới tự nhiên, coi môi trường là *thân thể* của con người. Con người vừa là sản phẩm, là một phần của môi trường tự nhiên; vừa là chủ thể xây dựng nên lịch sử xã hội, vừa là sản phẩm của xã hội. Do vậy, lý thuyết của C.Mác đã cung cấp

cho nhân loại cơ sở lý luận để BVMT: "bản thân chúng ta, là thuộc về giới tự nhiên, chúng ta nằm trong lòng giới tự nhiên, và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với giới tự nhiên là ở chỗ chúng ta, khác với tất cả các sinh vật khác, là chúng ta nhận thức quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác"[8]. Theo đó, những hành vi phá hoại môi trường tự nhiên, phá vỡ sự hài hòa, cân bằng của mối quan hệ con người - môi trường, xét về mặt sinh thái, cũng đồng nghĩa với sự phá hoại cuộc sống của chính bản thân con người. Để giữ vững cân bằng sinh thái, không ai khác, chính con người buộc phải bảo vệ môi trường, giải quyết hài hòa mối quan hệ con người và tự nhiên, con người và xã hội.

Theo các nhà xã hội học Riley E. Dunlap (Giáo sư, Trường Đại học bang Okalahoma), William R. Catton (Giáo sư, Trường Đại học bang Washington), môi trường có 3 chức năng: (1) Môi trường là trạm cung cấp, đem lại cho con người không khí, nước uống, thực phẩm, nguyên vật liệu để sản xuất, làm nhà... Trong đó có những loại tài nguyên có thể tái sinh (rừng hay nước); có những loại không thể tái sinh: (dầu mỏ, than đá); (2) Môi trường cung cấp không gian sống, chỗ ở, nơi vui chơi, nơi làm việc" ; (3) Môi trường là kho chứa rác thải. Quá trình con người sinh tồn đã tạo ra rác thải, nhất là trong xã hội công nghiệp, con người thải ra nhiều loại rác thải khác nhau với số lượng lớn[9]. Quan niệm này cho thấy, khi lạm dụng các chức năng như sử dụng tài nguyên nhanh hơn khả năng cung cấp của môi trường, sẽ dẫn đến thiếu hụt, cạn kiệt, khan hiếm tài nguyên. Hoặc khi dân số tăng quá nhanh sẽ dẫn đến quá tải dân số và tắc nghẽn không gian sống. Hoặc khi con người thải vào môi trường quá nhiều chất thải nguy hại sẽ dẫn tới quá tải sự hấp thụ làm mất cân bằng sinh thái, gây ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.

Những lý thuyết kinh điển của các nhà xã hội học nêu trên, cung cấp cho chúng ta cơ sở lý luận để hoạch định và thực thi hiệu quả chính sách quản lý và BVMT vì mục tiêu phát triển bền vững.

2. Xã hội học cung cấp phương pháp điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu cho quản lý và bảo vệ môi trường

Có rất nhiều phương pháp để thu thập dữ liệu về môi trường. Tuy nhiên, trong mối quan hệ giữa con người và môi trường thì phương pháp hữu hiệu nhất để có những dữ liệu khách quan, khoa học là các phương pháp đo lường của xã hội học. Cụ thể:

Một là, phương pháp phỏng vấn sâu. Để thu thập dữ liệu về mối quan hệ giữa con người và môi trường trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách quản lý, BVMT thì phỏng vấn sâu là một phương pháp thu thập dữ liệu quan trọng. Bởi sử dụng phương pháp này, nhà nghiên cứu có thể thu thập được những dữ liệu về đánh giá của người dân trong thực hiện chính sách quản lý và BVMT, về mối quan hệ giữa con người và môi trường đã có sẵn ở người trả lời phỏng vấn. Không ai khác, chính nhân dân là chủ thể trực tiếp thực hiện chính sách quản lý và BVMT; họ cũng chính là người cảm nhận rõ nét nhất về chất lượng môi trường cũng như hiệu quả chính sách quản lý môi trường mà họ thực hiện. Do vậy, phương pháp phỏng vấn sâu cho phép thu thập những dữ liệu về môi trường khách quan và đây là cơ sở thực tiễn để các nhà hoạch định chính sách, xây dựng chương trình, kế hoạch quản lý và BVMT hiệu quả.

Phỏng vấn sâu về mức độ cảm nhận, sự hài lòng của người dân đối với các tiêu chí chất lượng môi trường liên quan trực tiếp đến cuộc sống của người dân sẽ là cơ sở đánh giá hiệu quả của chính sách quản lý và BVMT, những dữ liệu về môi trường cũng được tạo dựng qua trao đổi giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn. Do đó, các nhà hoạch định chính sách có cơ sở xây dựng và triển khai chính sách môi trường. Chẳng hạn, tại Khoản 1 Điều 21, Luật BVMT (2020) quy định: Nội dung BVMT di sản thiên nhiên là: "Điều tra, đánh giá, quản lý

và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên [10]. Với những yêu cầu điều tra, đánh giá trong quản lý và BVMT di sản thiên nhiên nêu trên cho thấy, phương pháp phỏng vấn sâu là rất cần thiết nhằm thu thập dữ liệu điều tra, đánh giá chất lượng môi trường di sản thiên nhiên cung cấp cho xây dựng chính sách quản lý và BVMT.

Hai là, thảo luận nhóm. Phương pháp này cung cấp cho các nhà nghiên cứu có được dữ liệu về môi trường thông qua việc mọi người tham gia trao đổi, thảo luận, tranh luận về thực trạng chính sách môi trường, đánh giá tác động môi trường đối với sức khỏe người dân, lựa chọn các phương án quản lý và BVMT hiệu quả. Với phương pháp này, có thể chọn những người thuộc nhiều nhóm xã hội khác nhau hay có những đặc điểm khác nhau để tham gia vào thảo luận nhóm. Qua đó thảo luận nhóm có thể giúp phát hiện các vấn đề môi trường từ ý kiến phản hồi của người dân. Chẳng hạn, Điều 1. Phạm vi điều chỉnh của Luật BVMT (2020) quy định: Luật này quy định về hoạt động BVMT; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trong hoạt động bảo vệ môi trường[11]. Điều này cho thấy, mọi cá nhân, hộ gia đình, cơ quan, tổ chức đều có trách nhiệm phải thực hiện nghĩa vụ tham gia quản lý và BVMT. Muốn có dữ liệu khách quan để xây dựng chính sách quản lý và BVMT, cần triển khai nhiều phương pháp, trong đó phổ biến là phương pháp thảo luận nhóm. Đối tượng thảo luận nhóm là người dân theo các độ tuổi, thành phần nghề nghiệp khác nhau đang sinh sống, làm việc, học tập, lưu trú tại tỉnh/thành phố. Nhằm thu thập dữ liệu phục vụ xây dựng chính sách môi trường, tổ chức thực hiện chính sách môi trường, đánh giá chính sách môi trường.

Ba là, phương pháp khảo sát xã hội học. Đây là phương pháp thu thập các dữ liệu về quản lý và BVMT từ một tập hợp người bằng cách thức cụ thể dựa trên bảng hỏi đã được chuẩn hóa. Các khảo sát thường được dùng để nhận diện ý kiến của người dân, để tìm hiểu ý kiến phản đối và ủng hộ các chính sách quản lý và BVMT, để lượng hóa sự hài lòng và không hài lòng đối với các chương trình liên quan đến môi trường. Khảo sát cũng có thể được sử dụng bởi những người làm chính sách để có cơ sở cho việc quyết định nên đưa ra chính sách môi trường mới hay tiếp tục chính sách môi trường cũ, hoặc sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của chính sách cũ phù hợp với bối cảnh mới. Khảo sát cũng có thể được sử dụng trong nhận diện vấn đề môi trường, xem xét các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường, quyết định ủng hộ dự án luật liên quan đến môi trường. Phiếu điều tra xã hội học gồm các câu hỏi có sẵn phương án trả lời để đối tượng điều tra lựa chọn. Câu hỏi của phiếu điều tra xã hội học thể hiện nội dung của các tiêu chí đo lường sự hài lòng, đồng thời phản ánh quá trình, kết quả bảo vệ chất lượng môi trường sống, sự mong đợi của người dân về chất lượng môi trường sống của tỉnh/thành phố. Nói chung, khảo sát xã hội học thực sự là phương pháp hữu ích trong quản lý và BVMT.

3. Thực trạng sử dụng phương pháp nghiên cứu của xã hội học trong quản lý và bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay

Những năm gần đây, Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN & MT) đã có nhiều văn bản chỉ đạo việc triển khai phương pháp nghiên cứu của xã hội học trong quản lý và BVMT. Căn cứ chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về "Thực hiện đánh giá, phân hạng về môi trường hàng năm đối với các ngành, địa phương" nêu tại Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 06/3/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về *Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường và tình hình triển khai thực tế*. Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, Quyết định số 2782/QĐ-BTMT về *Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*. Quyết định số 2782/QĐ-BTMT ban hành nhằm mục tiêu đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ BVMT và

mức độ hài lòng của người dân về chất lượng môi trường sống của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đồng thời nhằm đánh giá hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý Nhà nước về BVMT, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm khuyến khích, nỗ lực của các cơ quan quản lý nhà nước và người dân trong công tác BVMT[13].

Quyết định số 2782/QĐ-BTMT, đã ban hành kèm theo tài liệu hướng dẫn tính toán, tự đánh giá kết quả BVMT của các địa phương đối với bộ chỉ số được cấu trúc thành hai nhóm: (1) Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ về BVMT (bộ chỉ số nhóm I: 26 chỉ số, đề nghị UBND giao Sở TN&MT là đơn vị đầu mối để tổ chức triển khai thực hiện của địa phương) và (2) Đánh giá mức độ hài lòng của người dân về chất lượng môi trường sống (bộ chỉ số nhóm II: 1 chỉ số, đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì).

Quyết định số 2782/QĐ-BTMT khẳng định: "Việc xác định chỉ số nhóm II về đánh giá mức độ hài lòng của người dân về chất lượng môi trường sống được thực hiện bằng hình thức điều tra xã hội học thông qua phiếu điều tra đối với các địa phương trên phạm vi cả nước" và "Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổ chức thực hiện điều tra xã hội học đánh giá mức độ hài lòng của người dân về chất lượng môi trường sống đối với các địa phương trên phạm vi cả nước"[14]. Từ năm 2020 chính thức áp dụng bộ chỉ số để đánh giá kết quả BVMT của các địa phương trên phạm vi cả nước.

Trên cơ sở Quyết định số 2782/QĐ-BTMT, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (đơn vị được giao đầu mối thực hiện) đã phối hợp với chuyên gia điều tra xã hội học (của Viện Dư luận xã hội, Ban Tuyên giáo Trung ương) và các đơn vị liên quan hoàn thiện mẫu phiếu, phương pháp điều tra xã hội học đánh giá mức độ hài lòng của người dân về chất lượng môi trường sống.

Năm 2020 là năm đầu tiên áp dụng bộ chỉ số đánh giá kết quả BVMT của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Kết quả cho thấy, có 5 địa phương BVMT đạt mức tốt; 34 địa phương đạt mức khá và 24 địa phương ở mức trung bình[15]. Từ kinh nghiệm trong việc thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu đánh giá của các địa phương năm 2020 và quy định mới của Luật BVMT năm 2020, Bộ TN&MT *điều chỉnh* bộ chỉ số năm 2021 (Công văn số 8103/BTNMT-TCMT ngày 30/12/2021) nhằm bám sát với thực tiễn hơn. Trong đó bộ chỉ số nhóm II, đánh giá mức độ hài lòng của người dân về chất lượng môi trường sống cụ thể hơn, thông qua việc đánh giá mức độ cảm nhận, sự hài lòng của người dân đối với 08 tiêu chí về chất lượng môi trường liên quan trực tiếp đến cuộc sống của người dân, bao gồm: (1) Chất lượng môi trường nước mặt tại các ao, hồ, sông, suối, kênh, rạch" tại nơi sinh sống; (2) Chất lượng nước dùng cho sinh hoạt tại nơi sinh sống; (3) Chất lượng môi trường không khí tại nơi sinh sống; (4) Mức độ bảo đảm về tiếng ồn, độ rung tại nơi sinh sống; (5) Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại nơi sinh sống; (6) Thu gom, xử lý nước thải tại nơi sinh sống; (7) Hệ thống cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng/danh lam thắng cảnh, cảnh đẹp thiên nhiên tại nơi sinh sống; (8) Sự quan tâm của chính quyền địa phương đối với vấn đề BVMT tại nơi sinh sống. Việc đánh giá mức độ hài lòng của người dân về chất lượng môi trường sống theo các tiêu chí nêu trên được thực hiện bằng hình thức điều tra xã hội học thông qua phiếu điều tra đối với các địa phương trên phạm vi cả nước. Sau khi kết quả được công bố đã tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức của các địa phương về trách nhiệm thực hiện công tác BVMT, khích lệ các địa phương có điểm số cao tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý và BVMT trên cả nước, các địa phương có điểm số thấp tiếp tục phấn đấu. Đồng thời, kết quả điều tra, khảo sát cũng là cơ sở để các nhà xây dựng chính sách quản lý môi trường điều chỉnh, bổ sung những quy định mới phù hợp hơn.

Kết luận

Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đang triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và mục tiêu của quản lý và BVMT trong những năm tiếp theo là: "Xây dựng chiến lược, hoàn thiện hệ thống thể chế quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên"[16]. Vì vậy, việc đánh giá kết quả BVMT là nhiệm vụ thường xuyên hàng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố là thiết yếu nhằm cung cấp dữ liệu khách quan cho hoàn thiện hệ thống chính sách quản lý, BVMT cũng như khơi dậy ý thức, trách nhiệm quản lý, BVMT của mọi người dân.

Để góp phần hoàn thành mục tiêu: "phát triển nhanh và bền vững đất nước"[17] trên cơ sở "lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân là mục tiêu hàng đầu"[18] thì việc sử dụng lý thuyết và phương pháp nghiên cứu của xã hội học vào trong công tác quản lý và BVMT là tất yếu, khách quan. Điều này cũng đã được quy định tại Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Do đó, Bộ TN&MT cần tiếp tục hoàn thiện về nội dung, bổ sung các phương pháp (phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm) của xã hội học và cách thức tổ chức thực hiện đánh giá, công bố kết quả Bộ chỉ số để bảo đảm thực chất, khách quan, hiệu quả, tạo động lực cho toàn xã hội BVMT, vì một môi trường xanh hơn, bền vững hơn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và BVMT./.

* Bài viết trong khuôn khổ đề tài: Nghiên cứu cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam để xác định các phương pháp nghiên cứu Xã hội học Môi trường phục vụ quản lý và bảo vệ môi trường, Mã số TNMT.2022.01.26.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, tr.14

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H., T.1, tr.87.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H., T.2, tr.73 - 74.

(4) Xem Nguyễn Tuấn Anh (2015), *Giáo trình Xã hội học Môi trường*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, H., tr.56-59.

(5), (6), (7) C.Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H., T. 42, tr. 232, 234, 135

(8) C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H., T. 20, tr. 654 - 655.

(9) Xem Nguyễn Tuấn Anh (2015), *Giáo trình Xã hội học Môi trường*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, H., tr.67 - 70.

(10) Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Luật số: 72/2020/QH14, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020*, https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-so-72-2020-QH14-Bao-ve-moi-truong-2020-431147.aspx, truy cập ngày 22/8/2022.

(11) Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Luật số: 72/2020/QH14, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020*, https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-so-72-2020-QH14-Bao-ve-moi-truong-2020-431147.aspx, truy cập ngày 22/8/2022.

(12) Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Luật số: 72/2020/QH14, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020,* https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-so-72-2020-QH14-Bao-ve-moi-truong-2020-431147.aspx, truy cập ngày 22/8/2022.

(13) Bộ Tài nguyên và Môi trường: *Quyết định số 2782/QĐ-BTMT về việc Ban hành Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,* https://hieuluat.vn/tai-nguyen/quyet-dinh-2782-qd-btnmt-bo-tai-nguyen-va-moi-truong-2b70d.html, truy cập ngày 1/1/2023.

(14) Bộ Tài nguyên và Môi trường: *Quyết định số 2782/QĐ-BTMT về việc Ban hành Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, https://hieuluat.vn/tai-nguyen/quyet-dinh-2782-qd-btnmt-bo-tai-nguyen-va-moi-truong-2b70d.html, truy cập ngày 1/1/2023.

(15) Hồng Nhung: *Sẽ công bố xếp hạng bảo vệ môi trường của các địa phương năm 2021,* http://tapchi-moitruong.vn/dien-dan" trao-doi-21/se-cong-bo-xep-hang-bao-ve-moi-truong-cua-cac-dia-phuong-nam-2021-26419, truy cập ngày 2/1/2023.

(16), (17), (18) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H., T.1, tr.152,33,117.